

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 6 - 2020

“V/v ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Út Đ**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp R, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Tạ Văn G**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp R, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Đ có mặt tại phiên tòa, anh G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Võ Thị Út Đ trình bày yêu cầu như sau:

Chị Võ Thị Út Đ và anh Tạ Văn G chung sống với nhau vào năm 2005 hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau làm cho đời sống vợ

chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh G, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Tạ Thị Kim T, sinh ngày 25/12/2006, hiện đang sống chung với chị Đ. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Tại biên hòa giải ngày 04/02/2020 bị đơn anh Tạ Văn G trình bày ý kiến như sau:

Thông nhất về lời trình bày của chị Đ về thời gian chung sống, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang, theo yêu cầu của chị Đ, anh G không đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh G đồng ý theo yêu cầu của chị Đ về con chung, tài sản và nợ chung. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của cháu Tạ Thị Kim T: Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn, cháu xin được sống chung với mẹ là Võ Thị Út Đ, do từ khi cha mẹ cháu ly thân cháu sống với mẹ Võ Thị Út Đ, hiện tại cuộc sống của cháu đã ổn định.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu; giấy chứng nhận kết hôn; trích lục khai sinh tên Tạ Thị Kim T; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; bản tự khai; biên bản xác minh.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo biên bản xác minh ngày 27/4/2020 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo R cho thấy, chị Đ và anh G chung sống với nhau từ năm 2005, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên cự cãi bất hòa về quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân khoảng mấy tháng nay. Trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung tên Tạ Thị Kim T, sinh năm 2006, hiện đang sống với chị Đ, được chị Đ chăm sóc chu đáo, phát triển tốt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Đ giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên, bị đơn anh G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Võ Thị Út Đ đối với anh Tạ Văn G là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; về con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Đ và anh G giao cháu Tạ Thị Kim T, sinh ngày 25/12/2006 cho chị Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung các đương sự đều không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa với sự vắng mặt của bị đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131, quyển số 01/2005 ngày 29/12/2005 nên hôn nhân giữa chị Đ và anh G là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Đ xin được ly hôn với anh G, còn anh G thì không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận từ 29/12/2005, quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được khoảng 08 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2019, nguyên nhân chính là do anh chị thường xuyên cự cãi, bất hòa, đời sống chung không hạnh phúc và sống ly thân năm tháng 6/2019 đến nay. Vấn đề mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân bản thân các anh chị đều xác định là có, tuy nhiên do anh chị không thể tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nên hôn nhân càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng phía chị Đ vẫn cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm không còn. Căn cứ vào sự thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng

của các đương sự, ý kiến của chính quyền địa phương và các thành viên cùng gia đình thì cho thấy yêu cầu của chị Đ là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần xem xét chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Anh chị đều xác định có một người con chung tên Tạ Thị Kim T, ngày 25/12/2006. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đã thống nhất thỏa thuận giao cháu Tạ Thị Kim T, ngày 25/12/2006 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng, chị Đ xác định có đủ điều kiện nuôi con, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị Đ là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Võ Thị Út Đ và anh Tạ Văn G.
2. Về con chung, ghi nhận ý kiến của chị Đ và anh G thống nhất thỏa thuận giao cháu Tạ Thị Kim T, ngày 25/12/2006 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Đ không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung của vợ chồng:

Chị Đ và anh G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Võ Thị Út Đ có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008271 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Đ đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- Chi cục THADS huyện;
- VKSND huyện;
- UBND xã Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Chon

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA